TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 7- 2023
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội D xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: **Nguyễn Văn Cơ Ba**.
2. Ông: **Đinh Minh Phương**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Võ Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 573/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp *"*Hôn nhân và gia đình*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đoàn Văn T** – sinh ngày: 01/01/1963 (có mặt).
- Bị đơn: Bà **Trần Thị Thu N** - sinh năm: 1976 (có mặt).
Cùng địa chỉ:ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng R**.
Địa chỉ trụ sở chính: số C, quận D, thành phố Hà Nội.
Người đại diện pháp luật: Ông Phạm Toàn V. Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng R.
Chi nhánh thực hiện: Ngân hàng R, chi nhánh huyện V.
Địa chỉ trụ sở chi nhánh: N, khóm V, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.
Đại diện hợp pháp theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Việt H - Chức vụ: Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền của bà **Nguyễn Thị Việt H** là ông **Phạm Văn D**, sinh năm: 1974 (theo văn bản ủy quyền ngày 12/4/2023) (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp R, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/01/2023,trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn Đoàn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Thu N do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị Trấn Vũng Liêm. Sau ngày cưới thì vợ chồng ông sống riêng tự lập. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 19 năm đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình, bà N không tôn trọng ông thường hay kiếm chuyện chưởi ông, vợ chồng thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông và bà N đã không còn sống chung với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà N.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Đoàn Thị Hồng G, sinh ngày 18/4/2002 và Đoàn Thị Ngọc M - sinh ngày 11/7/2008. Chị G đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu M thì ông D ý giao cháu M cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông tự nguyện cấp dưỡng cho cháu M mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, tại phiên tòa ông T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Có thửa đất số 541, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.697,7m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông và bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất do cha mẹ của ông tặng cho ông và một phần ông và bà N trả tiền lại cho anh chị em của ông để nhận phần thừa kế, trên thửa 541 có một căn nhà cấp 4. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được quản lý, sử dụng phần đất diện tích theo đo đạc là 797,6m^2, ông D ý chia cho bà N được quản lý, sử dụng phần đất diện tích theo đo đạc là 810,6m^2 gắn liền với căn nhà cấp 4 trên đất, ông không yêu cầu bà N thanh toán lại giá trị căn nhà.

- Về nợ chung phải trả: Nợ Ngân hàng R, chi nhánh huyện Vũng Liêm số tiền 50.000.000đ, mục đích vay tiền là để phục vụ chung cho gia đình. Ngày 04/5/2023 ông đã tất toán xong số tiền vốn 25.000.000đ và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng xong.

*** Tại bảng khai ý kiến ngày 25/11/2022, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay bị đơn bà Trần Thị Thu N trình bày:**

- Về mối quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất theo lời trình bày của ông T, hôn nhân giữa bà và ông T hình thành do quen biết rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị Trấn Vũng Liêm. Bà và ông T sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không lo kinh tế cho gia đình, bà và ông T đã không còn sống chung từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay. Nay bà D ý ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Đoàn Thị Hồng G, sinh ngày 18/4/2002 và Đoàn Thị Ngọc M - sinh ngày 11/7/2008. Chị G đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T D ý giao cháu M cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu M.

- Về tài sản chung: Có thửa đất số 541, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.697,7m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do bà và ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất do vào năm 2013 anh chị em ruột của

ông T tranh chấp thừa kế đối với thửa 541 nên bà phải chuyển nhượng phần đất diện tích 3.000m^2 là tài sản riêng của bà để trả tiền lại cho anh chị em của ông T nên bà với ông T làm thủ tục sang tên qua bà và ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một phần đất của ông T nhận thừa kế, trên thửa 541 có một căn nhà cấp 4. Sau khi ly hôn ông T yêu cầu được quản lý,sử dụng phần đất diện tích theo đo đạc là 797,6m^2 ông T D ý chia cho bà được quản lý, sử dụng phần đất diện tích đo đạc là 810,6m^2 gắn liền với căn nhà cấp 4 trên đất thì bà không D ý mà bà chỉ D ý chia cho ông T phần đất Nng 4,78m, dài hết diện tích đất. Đối với căn nhà cấp 4 trên đất bà yêu cầu được quản lý sử dụng.

- Về nợ chung phải trả: Nợ Ngân hàng R, chi nhánh huyện Vũng Liêm số tiền 50.000.000đ, mục đích vay tiền là để phục vụ chung cho gia đình. Hiện nay bà đã tất toán xong số tiền vốn 25.000.000đ và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng xong.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng R – chi nhánh huyện Vũng Liêm là ông Phạm Văn D có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện độc lập ngày 01/3/2023, trong quá trình tham gia tố tụng ông Phạm Văn D có ý kiến như sau:**

Vào ngày 20/01/2022 ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N có vay vốn tại Ngân hàng R, chi nhánh huyện Vũng Liêm số tiền 50.000.000đ. Hợp D tín dụng số 7303LAV202200446, ngày trả nợ cuối cùng 17/01/2023. Mục đích vay trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp. Tổng số nợ đến ngày 01/3/2023 là 51.173.000đ hiện đang quá hạn 43 ngày kể từ ngày 18/01/2023. Trong đó dư nợ gốc: 50.000.000đ, nợ lãi 1.173.000đ. Tài sản thế chấp: Ông T và bà N thế chấp quyền sử dụng đất thửa 541, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.697,7m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông T và bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay Ngân hàng R, chi nhánh huyện Vũng Liêm yêu cầu ông T và bà N phải trả nợ vay cho Ngân hàng R, chi nhánh huyện Vũng Liêm với tổng số tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 01/3/2023 là 51.173.000đ và yêu cầu ông T và bà N tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết khoản nợ trên.

Ngày 18/5/2023 người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng R, chi nhánh huyện Vũng Liêm là bà Nguyễn Thị Việt Hồng có đơn yêu cầu rút đơn khởi kiện lý do ông Đoàn Văn T và bà N tự nguyện trả nợ cho Ngân hàng R, chi nhánh huyện Vũng Liêm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử tuân thủ theo Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội D xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 14, Điều 29, Điều

33, Điều 38, Điều 46, Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1điều 12, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N.

Về con chung: Ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N có hai người con chung tên Đoàn Thị Hồng G, sinh ngày 18/4/2002 và Đoàn Thị Ngọc M - sinh ngày 11/7/2008. Chị Đoàn Thị Hồng G đã thành niên, ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội D xét xử không xem xét giải quyết. Giao cháu Đoàn Thị Ngọc M cho bà Trần Thị Thu N chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Trần Thị Thu N không yêu cầu ông Đoàn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Đoàn Thị Ngọc M nên đề nghị Hội D xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T về việc yêu cầu bà Trần Thị Thu N chia cho ông Đoàn Văn T được quản lý, sử dụng thửa 541-1 diện tích 545,3m^{2}và thửa 541-2 diện tích 252,3m^2,tờ bản đồ số 2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Buộc bà Trần Thị Thu N có nghĩa vụ chia cho ông Đoàn Văn T được quyền quản lý, sử dụng thửa 541-1 diện tích 545,3m^{2}và thửa 541-2 diện tích 252,3m^2, tờ bản đồ số 2 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc ông Đoàn Văn T chia cho bà Trần Thị Thu N được quản lý, sử dụng thửa 541-3 diện tích 810,6m^2,tờ bản đồ số 2 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Trần Thị Thu N được sở hữu căn nhà khung cột bê tông cốt thép, nền gạch men, vách tường, máy lợp tol, trần cách nhiệt diện tích 127,47m^2.

Ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký phần đất trên theo quy định.

Về nợ chung phải trả: ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội D xét xử không xem xét giải quyết.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng R về việc yêu cầu ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu D).

Về chi phí đo đạc và định giá tài sản là: 5.293.000đ (Năm triệu hai trăm chín mươi ba nghìn D). ông Đoàn Văn T phải nộp 2.646.500đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm D), bà Trần Thị Thu N phải nộp 2.646.500đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm D). Do ông T đã tạm mộp 5.293.000đ nên buộc bà Trần Thị Thu N phải nộp 2.646.500đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm D) để hoàn trả lại cho ông Đoàn Văn T.

Về án phí: Ông Đoàn Văn T được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí về chia tài sản chung do ông Đoàn Văn T là người cao tuổi. Hoàn trả lại cho ông Đoàn Văn T số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn D) theo biên lai thu số N^{0}0008905, ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Buộc bà Trần Thị Thu N phải nộp 17.210.000đ (Mười bảy triệu hai trăm mười nghìn D) tiền án phí về chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Mên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội D xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Lê Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa ông T và bị đơn bà Trần Thị Thu N, bà N có nơi cư trú tại ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà N do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị Trấn Vũng Liêm vào ngày 30/5/2022 nên quan hệ hôn nhân ông T và bà N là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo ông T và bà N cùng thống nhất thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình, vợ chồng không hợp tính tình thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông T và bà N không còn sống chung với nhau từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà N, bà N D ý nên Hội D xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông T và bà N.

Về con chung: Ông T và bà N có hai người con chung tên Đoàn Thị Hồng G, sinh ngày 18/4/2002 và Đoàn Thị Ngọc M - sinh ngày 11/7/2008. Chị G đã thành niên, ông T và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội D xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu M thì ông T D ý giao cháu M cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại bảng khai ý kiến ngày 21/4/2023 của cháu M thì cháu M có nguyện vọng sống với bà N nên giao cháu M cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội D xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T và bà N thống nhất theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 28/3/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng Liêm và biên bản định giá tài sản ngày 16/02/2023 của Hội D định giá tài sản trong tố tụng dân sự.

Ông T và bà N thống nhất có thửa đất số 541, tờ bản đồ số 2, diện tích theo đo đạc 1.608,2m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông T và bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ông T trình bày nguồn gốc đất do cha mẹ của ông T tặng cho ông T và bà N. Theo bà N trình bày nguồn gốc đất do ông T nhận thừa kế và anh chị em ruột của ông T tranh chấp thừa kế nên bà N đã chuyển nhượng phần đất khác là tài sản riêng của bà N để trả tiền cho anh chị em của ông T nên nay ông T yêu cầu được quản lý, sử dụng phần đất diện tích theo đo đạc là 797,6m^2 tại thửa 541 thì bà N không D ý mà bà N chỉ D ý chia cho ông T phần đất Nng 4,78m, dài hết diện tích đất. Đối với căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa 541 thì bà N yêu cầu được sở hữu căn nhà, ông T D ý giao cho bà N sở hữu căn nhà, ông T không yêu cầu bà N trả giá trị căn nhà.

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 577448 số vào sổ cấp GCN: CS05209 ngày 10/01/2022 do Sở tài nguyên và môi T tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông T và bà N đối với thửa 541, tờ bản đồ số 2, diện tích theo đo đạc 1.608,2m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông T và bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguồn gốc sử dụng: thực hiện theo bản án của Tòa án đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất. Bà N cho rằng thửa 541, diện tích theo đo đạc 1.608,2m^2 và căn nhà cấp 4 trên đất là do bà N đã dùng tài sản riêng của bà N bán lấy tiền để trả cho anh chị em của ông T nên bà N được chia thửa 541 nhiều hơn ông T là không có cơ sở để Hội D xét xử chấp nhận bởi vì tại phiên tòa hôm nay bà N và ông T đều thống nhất phần đất tại thửa 541 có nguồn gốc là một phần nhận thừa kế từ cha mẹ của ông T bà một phần có nguồn gốc đất do anh chị em ruột của ông T tranh chấp thừa kế nên bà N đã chuyển nhượng phần đất khác là tài sản riêng của bà N để trả tiền cho anh chị em của ông T, và ông T, bà N đã nhập tài sản riêng của vợ chồng thành tài sản chung cụ thể là ông T và bà N đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 541, tờ bản đồ số 2 diện tích là 1.608,2m^2 căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình thì phần đất tại thửa 541 là tài sản chung của bà N và ông T nên Hội D xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T.

Theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi. Nên thửa 541, diện tích theo đo đạc 1.608,2m^2 : 2 = 804,1m^2 thì ông T được quản lý, sử dụng diện tích 804,1m^2, bà N được quản lý, sử dụng diện tích 804,1m^2 nhưng ông T chỉ yêu cầu được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 797,6m^2 thửa 541, ông T D ý chia cho bà N được quản lý, sử dụng phần đất diện tích theo đo đạc là 810,6m^2 gắn liền với căn nhà cấp 4 trên đất và không yêu cầu bà N hoàn trả lại giá trị căn nhà là phù hợp theo quy định của pháp luật nên yêu cầu của ông T là có cơ sở. Do đó buộc bà N có nghĩa vụ chia cho ông T được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 797,6m^2 thửa 541-1 và thửa 541-2, tờ bản đồ số 2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chia cho bà N được quản lý, sử dụng phần đất diện tích theo đo đạc là 810,6m^2 tại thửa 541, bà N được sở hữu căn nhà khung cột bê tông cốt thép, nền

gạch men, vách tường, máy lợp tol, trần cách nhiệt diện tích 127,47m^2, ông T không yêu cầu bà N hoàn trả lại giá trị căn nhà nên Hội D xét xử không xem xét.

Về nợ chung phải trả: Ông T và bà N thống nhất có vay số tiền 50.000.000đ tại Ngân hàng R, chi nhánh huyện Vũng Liêm. Mục đích vay trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp để phục vụ chung cho gia đình. Tài sản thế chấp: Ông T và bà N đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa 541, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.697,7m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông T và bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay ông T và bà N đã trả nợ xong, Ngân hàng Nông Mệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Vũng Liêm đã rút đơn khởi kiện nên Hội D xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Về chi phí đo đạc và định giá tài sản là: 5.293.000đ (Năm triệu hai trăm chín mươi ba nghìn D). ông Đoàn Văn T phải nộp 2.646.500đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm D), bà Trần Thị Thu N phải nộp 2.646.500đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm D). Do ông T đã tạm mộp 5.293.000đ nên buộc bà Trần Thị Thu N phải nộp 2.646.500đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm D) để hoàn trả lại cho ông Đoàn Văn T.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án dân sự sơ thẩm: Ông T được miễn án phí dân sự sơ thẩm do ông T là người cao tuổi.

Buộc bà N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 14, Điều 29, Điều 33, Điều 38, Điều 46, Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 điều 12, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N.

Về con chung: Ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N có hai người con chung tên Đoàn Thị Hồng G, sinh ngày 18/4/2002 và Đoàn Thị Ngọc M - sinh ngày 11/7/2008. Chị Đoàn Thị Hồng G đã thành niên, ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội D xét xử không xem xét giải quyết. Giao cháu Đoàn Thị Ngọc M cho bà Trần Thị Thu N chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Trần Thị Thu N không yêu cầu ông Đoàn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Đoàn Thị Ngọc M nên Hội D xét xử không xem xét giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T về việc yêu cầu bà Trần Thị Thu N chia cho ông Đoàn Văn T được quản lý, sử dụng thửa 541-1 diện tích 545,3m^{2}và thửa 541-2 diện tích 252,3m^2, tờ bản đồ số 2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Buộc bà Trần Thị Thu N có nghĩa vụ chia cho ông Đoàn Văn T được quyền quản lý, sử dụng thửa 541-1 diện tích 545,3m^{2}và thửa 541-2 diện tích 252,3m^2, tờ bản đồ số 2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/7/2023)

Buộc ông Đoàn Văn T chia cho bà Trần Thị Thu N được quản lý, sử dụng thửa 541 - 3 diện tích 810,6m^2 tờ bản đồ số 2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phú An, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Trần Thị Thu N được sở hữu căn nhà khung cột bê tông cốt thép, nền gạch men, vách tường, máy lợp tol, trần cách nhiệt diện tích 127,47m^2 . (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/7/2023).

Ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký phần đất trên theo quy định.

Về nợ chung phải trả: ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội D xét xử không xem xét giải quyết.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng R về việc yêu cầu ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Thu N trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu D).

Về chi phí đo đạc và định giá tài sản là: 5.293.000đ (Năm triệu hai trăm chín mươi ba nghìn D). ông Đoàn Văn T phải nộp 2.646.500đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm D), bà Trần Thị Thu N phải nộp 2.646.500đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm D). Do ông T đã tạm mộp 5.293.000đ nên buộc bà Trần Thị Thu N phải nộp 2.646.500đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm D) để hoàn trả lại cho ông Đoàn Văn T.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Văn T được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí về chia tài sản chung do ông Đoàn Văn T là người cao tuổi. Hoàn trả lại cho ông Đoàn Văn T số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn D) theo biên lai thu số N^{0}0008905, ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Buộc bà Trần Thị Thu N phải nộp 17.210.000đ (Mười bảy triệu hai trăm mười nghìn D) tiền án phí về chia tài sản chung.

Hoàn trả cho Ngân hàng R số tiền 1.279.000đ (Một triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn D) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^{0}0009256 ngày 16/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm thu.

T hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI D XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND TT Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh